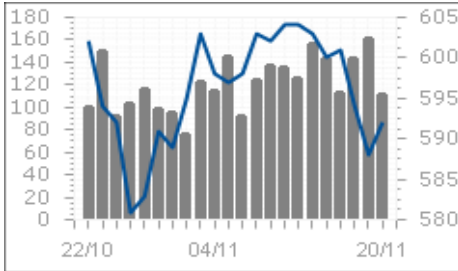


HOSE

20/11/2014

VNINDEX	593.32	4.97	0.84%
KLGD	152,658,810	CP	
GTGD	2,452.88	Tỷ	
GTR NDTNN	-	54.68	Tỷ
CP Tăng giá	170	CP	
CP Giảm giá	55	CP	
CP Đứng giá	79	CP	



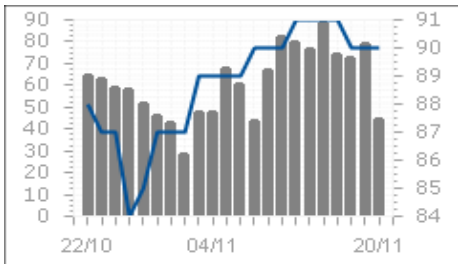
Tâm điểm

- ▶ Hai sàn hồi phục tích cực và đóng cửa mức cao trong phiên
- ▶ Nếu lực cầu tiếp tục duy trì tốt, thị trường có khả năng sẽ phục hồi NĐT Nước ngoài lại tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn
- ▶ Tiền nhàn rỗi vẫn đổ vào ngân hàng
Lãi suất liên tục giảm nhưng nguồn vốn huy động vẫn tăng so với cùng kỳ Đầu tư
- ▶ Chờ giá xăng dầu giảm tiếp
DN xăng dầu đang lãi thực hơn 1000đ trên mỗi lít xăng dầu Tuổi trẻ
- ▶ Đồng tiền chung châu Âu sẽ tiếp tục giảm giá trong năm 2015
Đà giảm giá của đồng tiền chung sẽ hỗ trợ tích cực cho kinh tế trong khu vực DVO/Reuters
- ▶ HSG: Lợi nhuận ròng năm 2015 sẽ tăng 30,9% so với năm trước
Nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện, lợi nhuận ròng năm 2015 được dự báo sẽ tăng DVO/HSG
- ▶ Cổ phiếu thủy sản còn nhiều tiềm năng
Các ưu đãi về thuế trong năm 2015 sẽ hỗ trợ tích cực cho ngành thủy sản Stox

HNX

20/11/2014

HNXINDEX	90.43	0.79	0.88%
KLGD	66,173,611	CP	
GTGD	993.82	Tỷ	
GTR NDTNN	-	31.17	Tỷ
CP Tăng giá	138	CP	
CP Giảm giá	54	CP	
CP Đứng giá	187	CP	



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,057,869	14.4	3.0	18.8%	10.1%
HNX	148,122	14.2	1.9	9.1%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,205,991	14.8	3.0	18.8%	9.7%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,093	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,003	9.5	1.6	17.0%	10.5%
Khai khoáng	38,522	13.2	2.0	22.3%	10.8%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,574	91.9	6.2	-4.0%	-3.3%
Xây dựng	25,575	14.0	1.5	13.6%	7.5%
Máy công nghiệp	32,870	31.8	1.2	-0.3%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,535	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	11,428	9.0	1.6	18.4%	13.5%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,869	11.4	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm	22,787	11.0	2.0	21.8%	7.3%
Dược phẩm	189,740	24.2	4.6	18.9%	14.6%
Phần mềm	15,753	12.6	2.8	22.4%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	17,151	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	28,742	9.9	1.4	15.6%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	198,094	16.2	5.3	32.4%	22.0%
Môi giới chứng khoán	25,722	20.5	2.2	10.4%	2.2%
Ngân hàng	29,134	12.4	1.7	11.2%	7.8%
Bất động sản	234,638	11.1	1.2	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	171,099	16.8	2.8	18.9%	4.8%
	47,706	10.8	2.3	21.9%	9.2%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	628.80	5.14	0.82%
HNX30	183.06	1.54	0.85%

VietinBankSc

306 Ba Triệu
Hai Ba Trưng
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Thông kê thị trường

- ▶ HOSE: Thông kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thông kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Tiền nhàn rỗi vẫn đổ vào ngân hàng

► Tin kinh tế

Theo NHNN, sau khi NHNN điều chỉnh giảm 0,5%/năm lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng (từ 6%/năm xuống 5,5%/năm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/10), mặt bằng lãi suất huy động VND giảm 0,1 - 0,5%/năm so với thời điểm trước khi điều chỉnh. Thế nhưng, nguồn tiết kiệm vẫn chảy vào ngân hàng. Báo cáo của NHNN cũng cho thấy, đến ngày 24/10, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 11,88% so với cuối năm 2013, trong đó huy động VND tăng 13,17%.

Chờ giá xăng dầu giảm tiếp

Chiều 19-11, giá dầu thô giao tháng 12 trên thị trường châu Á tiếp tục giảm 0,33 USD/thùng (0,44%) so với phiên trước, còn 74,28 USD/thùng. Như vậy so với mức giá 103,92 USD/thùng vào ngày 7-7, thời điểm dầu thô bắt đầu chuỗi giảm giá liên tục, đến nay giá dầu thô thế giới đã giảm 28,52%. Theo đà giảm của dầu thô, giá xăng A92 nhập từ Singapore hiện còn 85,43 USD/thùng, tương đương 11.415,38 đồng/lít. Mức giá này đã kéo giá cơ sở của xăng A92 tại VN xuống mức 20.631 đồng/lít, theo số liệu của Công ty Nhiên liệu Sài Gòn. Như vậy, doanh nghiệp (DN) đang được lãi từ chênh lệch là 759 đồng/lít so với giá bán lẻ 21.390 đồng/lít hiện tại. Cộng với khoản lãi định mức 300 đồng/lít, hiện DN đang thực lãi 1.059 đồng/lít xăng bán ra.

Đồng tiền chung châu Âu sẽ tiếp tục giảm giá trong năm 2015

Theo French Economic Observatory (OFCE), đồng euro sẽ tiếp tục xu hướng giảm giá này trong năm 2015. Đà giảm giá liên tục của đồng tiền chung sẽ hỗ trợ tăng trưởng cho các nền kinh tế khu vực châu Âu trong năm 2015, trong đó Tây Ban Nha và Pháp sẽ được hưởng lợi nhiều nhất. OFCE cho rằng việc giá trị giảm của đồng euro kể từ tháng Năm đã giúp hạn chế phần nào nguy cơ giảm phát. Sự suy giảm của đồng euro sẽ khuyến khích xuất khẩu sang các nước ngoài khu vực châu Âu, tăng khả năng cạnh tranh của sản xuất trong khu vực, dẫn đến giảm nhập khẩu có lợi cho các doanh nghiệp trong nước, tuy nhiên sẽ khiến cho giá trị của các khoản nợ quốc gia tăng lên.

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

HSG: Lợi nhuận ròng năm 2015 sẽ tăng 30,9% so với năm trước

► Tin doanh nghiệp

Kết thúc năm tài chính 2014, doanh thu cả năm của HSG đạt 14.990 tỷ đồng, tăng 27,4% so với năm trước, sản lượng tiêu thụ tăng 34,7% so với năm trước, đạt 810.226 tấn. Lợi nhuận ròng giảm 29,8% so với năm trước, đạt 410 tỷ đồng do giá thép cán nóng giảm. Giá thép cán nóng giảm khiến HSG không có lợi nhuận nhờ dự trữ nguyên vật liệu khi giá thấp như năm 2013. Công ty vượt 7,1% kế hoạch doanh thu năm 2014 nhưng chỉ hoàn thành 68% kế hoạch lợi nhuận ròng. Nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện, lợi nhuận ròng năm 2015 của CTCP Tập Đoàn Hoa Sen (mã HSG - HOSE) có thể đạt 537 tỷ đồng, tăng 30,9% so với năm trước (theo dự báo của SSI Research).

Cổ phiếu thủy sản còn nhiều tiềm năng

Hoạt động kinh doanh Quý 3/2014 của các DN niêm yết ngành thủy sản lại ghi nhận một mùa vụ thắng lớn với kết quả rất ấn tượng như: MPC, VHC, HVG, AGF, FMC, NGC...Như vậy, sau thời gian khó khăn, nhiều DN thủy sản bước vào thời kỳ tăng tốc phát triển. Đặc biệt trong thời gian tới sau khi kết thúc đàm phán hiệp định thương mại tự do (FTA) với liên minh hải quan Nga thì năm 2015 hàng hóa Việt Nam sẽ được miễn thuế so với mức thuế 18% đang được áp dụng. Còn tại khu vực Châu Âu sẽ chỉ áp dụng mức thuế 7%. Như vậy, từ đầu năm 2015, hàng hóa thủy sản Việt Nam XK vào 2 thị trường trên sẽ được hưởng lợi về thuế để cạnh tranh với các nước trong khu vực. Mặt khác, Chính phủ cũng đang có chủ trương bỏ thuế VAT thức ăn (5%) sẽ giúp ngành thủy sản tăng trưởng mạnh hơn.

VTO nâng kế hoạch kinh doanh 2014

CTCP Vận tải xăng dầu Vitaco (HOSE: Mã VTO) công bố Nghị quyết của HĐQT về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. Theo đó, HĐQT VTO phê duyệt kế hoạch điều chỉnh tăng tổng doanh thu từ mức 1.341 tỷ đồng lên 1.479 tỷ đồng, tương ứng tăng 10,36% và nâng lợi nhuận trước thuế từ 53 tỷ đồng lên 62 tỷ đồng, tương ứng tăng 17,3%. Tuy nhiên, VTO vẫn giữ nguyên kế hoạch chia cổ tức là 300 đồng/cổ phiếu. Và để hoàn thành các chỉ tiêu được nâng lên như trên, VTO ước tính sẽ đạt 320 tỷ đồng doanh thu và 12 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong quý IV này.

HOSE 20/11/2014 VNINDEX 593.32 4.97 0.84% 152,658,810 CP 2,452.88 bil VND

Hai sàn hồi phục tích cực và đóng cửa mức cao trong phiên

VN-Index tăng 4.97 điểm (+0.84%), đóng cửa tại mức 593.32 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, VN-Index hồi phục trở lại sau khi chạm đường MA200.

- MACD sau khi cho tín hiệu bán ra tiếp tục sụt giảm.
- Stochastic Oscillator dừng đà giảm và sắp cho tín hiệu mua trở lại.
- RSI (14) tăng trở lại và đạt mức 44..
- VN-Index một lần nữa hồi phục ở ngưỡng MA200. Tuy nhiên chưa thể khẳng định được đà tăng trở lại của chỉ số này.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.8 (6.5%)	50,357,370
SAM	0.9 (6.9%)	6,382,010
ITA	0.3 (3.4%)	6,025,570
OGC	0 (0.0%)	5,726,550
KBC	0.3 (1.8%)	5,238,030

HOSE Top 5 theo % tăng

SBC	1.4 (7.0%)	5,680
DRH	0.4 (6.9%)	1,451,470
SAM	0.9 (6.9%)	6,382,010
TCL	2.1 (6.8%)	211,950
KAC	0.8 (6.8%)	34,940

HOSE Top 5 theo % giảm

VHC	-16.8 (-31.4%)	387,450
HOT	-1.8 (-6.9%)	100
SRC	-3.2 (-6.8%)	256,880
HLG	-0.3 (-6.5%)	10
VNG	-0.7 (-6.2%)	170

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HPG	5,6 tỷ	99,540
NBB	5,1 tỷ	263,340
KBC	3,1 tỷ	186,980
JVC	2,8 tỷ	168,000
PVD	2,7 tỷ	29,690

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

GAS	-17,6 tỷ	172,900
VIC	-15,3 tỷ	316,300
KDC	-7,6 tỷ	136,600
HAG	-4,6 tỷ	188,780
BVH	-2,8 tỷ	74,140

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-1,003,270	- 54.68

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT hồi phục trở lại rất tích cực ở phiên hôm nay, đã tăng nhanh chóng lan rộng. VN-Index duy trì sắc xanh từ đầu tới cuối phiên và neo ở vùng giá cao lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 146 triệu. Lực cầu trở lại và sẵn sàng nâng giá mua, đây là dấu hiệu rất tích cực cho thị trường.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 55 tỷ. Khối ngoại vẫn chưa ngừng đà bán ròng, do vậy rủi ro mất điểm của VN-Index vẫn còn.
- ▶ VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục hồi phục khi lực cầu vẫn tiếp tục duy trì tốt như hiện tại. Tuy nhiên chưa nên quá hi vọng vào sự bứt phá của chỉ số này.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. Việc dùng đòn bẩy vẫn chưa nên sử dụng bởi rủi ro lớn sẽ xảy ra nếu VN-Index phá vỡ MA200.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	102.0	193,290.00	16.6	5.4	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	101.0	101,011.98	17.4	5.6	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	27.2	72,488.55	15.4	1.6	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.2	70,109.56	18.1	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	80.5	59,232.56	- 462.8	4.1	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.2	52,872.34	9.7	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.0	36,545.63	8.3	1.2	13.6%	0.8%
PVD	303.0	90.0	27,273.32	11.2	2.4	22.6%	10.8%
HPG	481.9	56.5	27,227.81	8.5	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	38.0	25,857.91	20.5	2.2	10.4%	2.2%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

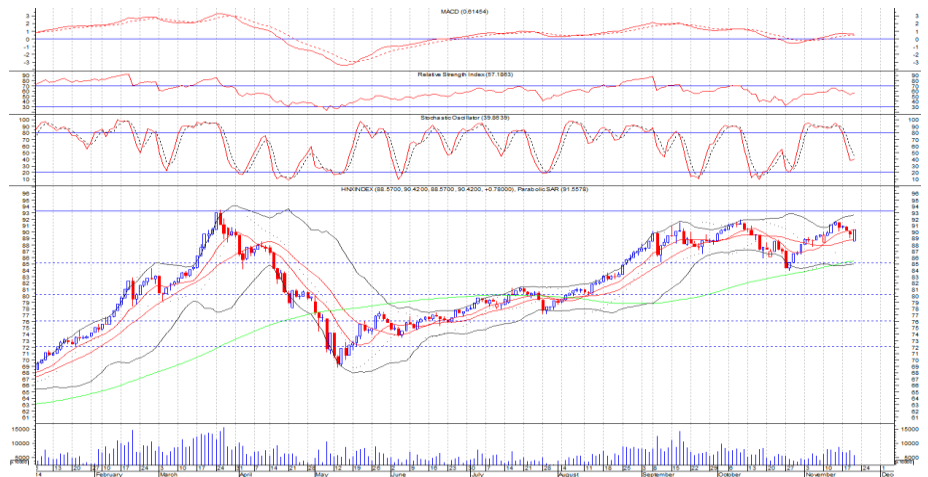
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	11.0	808.49	12.8	0.9	NA	TH.DOI
HBC	52.7	16.3	858.89	24.2	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.4	2,241.22	6.9	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.0	3,001.58	8.4	1.8	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.8	656.10	5.4	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	23.0	635.03	2.0	1.0	NA	TH.DOI

HNX 20/11/2014 HNX-Index 90.43 0.79 0.88% 66,173,611 CP 993.82 bil. VND

Hai sàn hồi phục tích cực và đóng cửa mức cao trong phiên

Chỉ số HNX-Index tăng 0.79 điểm (+0.88%), đóng cửa tại mốc 90.43 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến dài, HNX-Index hồi phục tích cực sau 4 phiên giảm điểm liên tục.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator dừng đà giảm và sắp cho tín hiệu mua trở lại.
- MACD dừng đà tăng nhưng chưa cho tín hiệu bán ra. Đây là tín hiệu khá tích cực.
- RSI (14) tăng trở lại mốc 57.
- Chỉ số này vẫn giữ nhịp tích lũy tiệm cận gần vùng đỉnh cũ.



HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	KLGD
KLF	-0.7 (-4.4%)	21,073,810
PVX	0.2 (3.3%)	5,384,310
SCR	0.5 (5.1%)	3,668,020
FIT	0.1 (0.3%)	2,332,270
HUT	0.8 (5.9%)	2,224,150

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá
DST	0.5 (10.0%)	500
ITQ	2.1 (10.0%)	324,350
LO5	0.4 (10.0%)	2,300
SDG	2.4 (10.0%)	2,100
ECI	1.6 (9.9%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá
CVN	-0.4 (-10.0%)	190,010
KTT	-0.4 (-10.0%)	300
VNT	-4.4 (-10.0%)	13,600
TAG	-2.4 (-9.8%)	100
SSM	-1.3 (-9.6%)	10,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Đơn vị	Giá
PVX	1,3	tỷ	200,000
SHS	0,6	tỷ	53,500
BVS	0,4	tỷ	27,840
VND	0,3	tỷ	19,900
ONE	0,2	tỷ	20,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Đơn vị	Giá
PVS	-30,1	tỷ	764,000
IVS	-2,6	tỷ	248,500
KLF	-1,0	tỷ	63,800
VNT	-0,3	tỷ	6,600
NDF	-0,2	tỷ	9,900

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-805,111	- 31.17

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT hồi phục trở lại rất tích cực ở phiên hôm nay, đã tăng nhanh chóng lan rộng. HNX-Index duy trì sắc xanh và đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 59 triệu. Dòng tiền phần nhiều hướng sự chú ý sang các mã trên sàn HOSE.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 31 tỷ. Khối ngoại vẫn chưa ngừng đà bán ròng, do vậy rủi ro mất điểm của HNX-Index vẫn còn.
- ▶ Chúng tôi vẫn tiếp tục bảo lưu quan điểm tích lũy ở chỉ số 2 sàn. Việc dòng tiền phân hóa và nhiều mã cơ bản tốt phá đỉnh vẫn sẽ diễn ra ở giai đoạn tới.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. Việc dùng đòn bẩy vẫn chưa nên sử dụng.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	39.6	17,689.34	10.6	2.0	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.6	14,192.58	26.3	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.5	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	13.1	5,786.41	8.6	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.6	4,187.94	13.4	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	52.0	2,929.64	7.4	2.1	23.4%	14.9%
VNR	131.1	21.5	2,818.13	8.8	1.1	12.8%	5.4%
PVX	400.0	6.3	2,520.00	- 2.7	2.6	-111.9%	-6.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.0	1,368.00	8.4	1.4	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.0	633.60	6.0	1.1	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.7	2,123.48	11.0	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.0	2,929.64	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	35.5	1,775.00	8.6	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	42.0	330.75	7.9	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	15.22%	80.5	-462.75	4.11	162,808	165,297	201,797
VIC	HOSE	1,454.6	70,109.56	12.53%	48.2	18.07	3.82	1,180,707	1,182,245	2,059,654
PVD	HOSE	303.0	27,273.32	11.71%	90.0	11.19	2.42	362,185	360,598	554,789
HPG	HOSE	481.9	27,227.81	11.57%	56.5	8.46	2.33	381,373	412,210	711,531
HAG	HOSE	789.9	19,510.51	7.45%	24.7	10.25	1.33	3,694,254	3,462,008	3,874,578
KDC	HOSE	255.2	14,033.86	7.00%	55.0	23.03	2.11	1,611,734	1,227,744	956,961
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	5.69%	19.1	8.68	1.20	207,152	275,661	417,042
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	5.16%	27.2	15.42	1.64	169,329	239,572	429,637
DPM	HOSE	379.9	11,170.07	4.04%	29.4	9.24	1.20	306,426	422,638	938,635
KBC	HOSE	389.8	6,742.85	2.83%	17.3	15.72	1.27	5,375,816	5,382,040	5,046,402
ITA	HOSE	718.9	6,470.15	2.64%	9.0	51.22	0.79	6,235,117	5,402,390	7,561,512
HSG	HOSE	96.3	4,709.71	1.95%	48.9	11.48	1.98	201,526	213,339	348,111
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	1.83%	38.0	20.46	2.15	177,726	200,111	254,622
HVG	HOSE	132.0	4,210.79	1.55%	31.9	14.22	1.72	1,595,572	1,548,337	1,926,836
FLC	HOSE	314.9	4,125.11	1.53%	13.1	7.22	1.02	19,916,828	14,464,040	15,672,104
PPC	HOSE	318.2	8,049.31	1.47%	25.3	10.66	1.44	175,467	256,296	567,769
DRC	HOSE	83.1	5,025.97	1.41%	60.5	14.18	3.42	54,944	59,572	156,586
PVT	HOSE	255.9	4,528.68	1.37%	17.7	14.90	1.44	1,817,127	1,795,856	2,247,912
CSM	HOSE	67.3	3,028.14	1.32%	45.0	8.62	2.36	75,995	104,789	226,288
VSH	HOSE	206.2	3,011.12	1.16%	14.6	20.42	1.11	443,063	480,807	636,925
OGC	HOSE	300.0	2,760.00	0.56%	9.2	33.96	0.87	5,883,200	7,261,217	5,225,229

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	8.46%	80.5	-462.75	4.11	162,808	165,297	201,797
VIC	HOSE	1,454.6	70,109.56	7.72%	48.2	18.07	3.82	1,180,707	1,182,245	2,059,654
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	7.14%	27.2	15.42	1.64	169,329	239,572	429,637
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.63%	19.1	8.68	1.20	207,152	275,661	417,042
PVS	HNX	446.7	17,689.34	5.62%	39.6	10.61	2.02	1,247,534	1,725,718	3,430,869
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	4.52%	38.0	20.46	2.15	177,726	200,111	254,622
DPM	HOSE	379.9	11,170.07	4.24%	29.4	9.24	1.20	306,426	422,638	938,635
HAG	HOSE	789.9	19,510.51	4.00%	24.7	10.25	1.33	3,694,254	3,462,008	3,874,578
PVD	HOSE	303.0	27,273.32	3.86%	90.0	11.19	2.42	362,185	360,598	554,789
PPC	HOSE	318.2	8,049.31	3.10%	25.3	10.66	1.44	175,467	256,296	567,769
ITA	HOSE	718.9	6,470.15	3.19%	9.0	51.22	0.79	6,235,117	5,402,390	7,561,512
FLC	HOSE	314.9	4,125.11	2.90%	13.1	7.22	1.02	19,916,828	14,464,040	15,672,104
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.59%	8.7	9.53	0.75	2,356,018	2,498,416	4,883,390
VCG	HNX	441.7	5,786.41	2.08%	13.1	8.56	1.00	1,340,426	1,333,350	1,541,012
PVT	HOSE	255.9	4,528.68	1.76%	17.7	14.90	1.44	1,817,127	1,795,856	2,247,912
OGC	HOSE	300.0	2,760.00	1.50%	9.2	33.96	0.87	5,883,200	7,261,217	5,225,229
DRC	HOSE	83.1	5,025.97	1.02%	60.5	14.18	3.42	54,944	59,572	156,586
IJC	HOSE	274.2	3,674.21	0.64%	13.4	21.36	1.25	597,972	675,547	1,326,587
PVX	HNX	400.0	2,520.00	0.00%	6.3	-2.67	2.64	6,344,883	5,802,451	9,000,673

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,109.56	0.00%	48.2	18.07	3.82	1,180,707	1,182,245	2,059,654
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	0.00%	80.5	-462.75	4.11	162,808	165,297	201,797
DPM	HOSE	379.9	11,170.07	0.00%	29.4	9.24	1.20	306,426	422,638	938,635
HAG	HOSE	789.9	19,510.51	0.00%	24.7	10.25	1.33	3,694,254	3,462,008	3,874,578
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	0.00%	27.2	15.42	1.64	169,329	239,572	429,637
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.00%	19.1	8.68	1.20	207,152	275,661	417,042
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	0.00%	38.0	20.46	2.15	177,726	200,111	254,622
CTG	HOSE	3,723.4	52,872.34	0.00%	14.2	9.67	0.96	122,916	281,574	363,738
GAS	HOSE	1,895.0	193,290.00	0.00%	102.0	16.60	5.41	307,318	283,133	385,390

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	4.01%	80.5	-462.75	4.11	162,808	165,297	201,797
VIC	HOSE	1,454.6	70,109.56	2.27%	48.2	18.07	3.82	1,180,707	1,182,245	2,059,654
PVD	HOSE	303.0	27,273.32	4.39%	90.0	11.19	2.42	362,185	360,598	554,789
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.89%	19.1	8.68	1.20	207,152	275,661	417,042
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	1.28%	27.2	15.42	1.64	169,329	239,572	429,637
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	1.79%	38.0	20.46	2.15	177,726	200,111	254,622

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

20 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,093	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,003	9.5	1.6	17.0%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,989	15.8	1.0	5.6%	2.2%
Sản xuất giấy	901	6.6	1.0	14.1%	7.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,522	13.2	2.0	22.3%	10.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,936	3.6	1.0	21.9%	5.2%
Khai khoáng	12,574	91.9	6.2	-4.0%	-3.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,575	14.0	1.5	13.6%	7.5%
Xây dựng	32,870	31.8	1.2	-0.3%	2.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,235	9.7	1.1	15.5%	7.7%
Công nghiệp phức hợp	1,361	9.0	1.4	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,510	8.2	1.0	12.0%	5.6%
Thiết bị điện	2,021	35.8	1.0	2.1%	0.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	53	17.4	0.7	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,535	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,490	3.4	1.1	5.4%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,428	9.0	1.6	18.4%	13.5%
Dịch vụ vận tải	6,875	7.5	1.6	22.4%	13.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	5,067	12.6	2.0	16.4%	11.1%
Đào tạo & Việc làm	278	14.4	0.8	6.5%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	199	9.1	0.9	12.0%	4.9%
Chất thải & Môi trường	199	3.0	0.9	33.5%	15.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,283	13.6	1.3	14.5%	7.2%
Lốp xe	8,869	11.4	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,577	7.0	1.2	17.6%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	327	14.2	2.2	16.7%	10.4%
Đồ uống & giải khát	231	6.5	1.1	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	22,787	11.0	2.0	21.8%	7.3%
Thực phẩm	189,740	24.2	4.6	18.9%	14.6%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	72	20.3	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,033	8.3	1.5	19.6%	9.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	608	38.4	1.5	4.0%	2.7%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,792	8.9	1.8	19.7%	7.6%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,172	10.3	2.1	19.0%	9.8%
Thuốc lá					
Thuốc lá	715	10.3	1.1	-2.0%	3.9%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,901	8.8	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	162	3.4	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	213	9.1	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,753	12.6	2.8	22.4%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	282	44.8	0.9	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	773	10.8	1.3	13.7%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,111	10.8	1.8	18.2%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,108	9.1	1.0	10.7%	7.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,636	55.3	2.4	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	4,255	20.9	1.5	11.5%	9.3%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,774	18.7	3.6	23.4%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	778	11.6	1.0	8.9%	3.3%
Internet	392	82.7	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,151	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	477	14.5	0.8	4.9%	1.9%
Thiết bị văn phòng	295	5.6	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	12,884	34.3	6.7	33.8%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,742	9.9	1.4	15.6%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	198,094	16.2	5.3	32.4%	22.0%
Nước	1,200	6.4	1.1	16.9%	11.4%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,463	8.7	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,929	12.0	0.7	6.5%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,818	8.8	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,722	20.5	2.2	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,997	36.2	1.0	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	29,134	12.4	1.7	11.2%	7.8%
Ngân hàng					
Ngân hàng	234,638	11.1	1.2	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	171,099	16.8	2.8	18.9%	4.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.8	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	47,706	10.8	2.3	21.9%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.